

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

1.1. Khái quát về dự án

1.1.1. Tên dự án: Trường Mầm non Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Vinh.

1.1.2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Thành Vinh.

1.1.3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Vinh nhằm đảm bảo đủ phòng học, tăng cường cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học; hoàn thiện các tiêu chí theo quy định Trường chuẩn Quốc gia.

1.1.4. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập BCNCKT

- Nhà thầu tư vấn khảo sát và lập BCNCKT: Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng TKP và Công ty CP đầu tư xây dựng và tư vấn TH Nghệ An.

1.1.5. Địa điểm xây dựng: Tại phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An)

1.1.6. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm B; Công trình dân dụng, giao thông, cấp III; Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: 50 năm.

1.1.7. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

1.1.9. Quy mô đầu tư:

1.1.9.1. Xây dựng công trình đúng theo quy hoạch được duyệt, quy định Trường chuẩn Quốc gia:

- Nhà học số 1 cao 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 294,5m²; tổng diện tích sàn khoảng 883,5m²;

- Nhà học số 2 cao 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 294,5m²; tổng diện tích sàn khoảng 883,5m²;

- Nhà học số 3 cao 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 387,7m²; tổng diện tích sàn khoảng 1.163,1m²;

- Nhà hiệu bộ cao 2 tầng, diện tích xây dựng khoảng 194,3m²; tổng diện tích sàn khoảng 388,6m²;

- Hội trường cao 2 tầng, diện tích xây dựng khoảng 125,1m²; tổng diện tích sàn khoảng 250,2m²;

- Nhà trực bảo vệ 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 15m²;

- Hành lang cao 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 197,6m²;

- Các hạng mục phụ trợ: Cổng chính, cổng phụ, hàng rào, nhà để máy phát điện, trạm điện, bãi đỗ xe, cây xanh, sân đường, vườn cỏ tích, bó vỉa, hệ thống

PCCC, bể nước ngầm, cấp điện và chiếu sáng ngoài nhà,...

- Trang thiết yếu phục vụ dạy và học, thang tời thức ăn.

1.1.9.2. Xây dựng các tuyến đường xung quanh Trường Mầm non Cửa Nam kết nối với đường đã có trong khu vực.

Các hạng mục đảm bảo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tuyến đường (gồm: mương thoát nước, vỉa hè, ô bồn cây và trồng cây, điện chiếu sáng) Tổng chiều dài các tuyến đường khoảng 596,5m; kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa; gồm 5 tuyến:

- Tuyến số 01: Chiều dài khoảng 191m, theo quy hoạch nền đường rộng 15m, mặt đường rộng 8,0m, vỉa hè rộng 2x3,5m; đoạn mở rộng làm bãi đỗ xe có nền đường rộng 22,0m, mặt đường rộng 15,0m, vỉa hè rộng 2x3,5m;
- Tuyến số 02: Chiều dài khoảng 74,05m, nền đường rộng 7m, mặt đường rộng 5,0m, vỉa hè rộng 2x1,0m;
- Tuyến số 03: Chiều dài khoảng 111m, nền đường rộng 9m, mặt đường rộng 5,0m, vỉa hè rộng 2x2,0m;
- Tuyến số 04: Chiều dài khoảng 115m, nền đường rộng 7m, mặt đường rộng 5,0m, vỉa hè rộng 2x1,0m;
- Tuyến số 05: Chiều dài khoảng 105m, nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 5,0m;
- Vuốt nối với nút giao các tuyến đường dân sinh hiện trạng.
- Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật quy hoạch vườn hoa với diện tích khoảng 4.300m²: hệ thống mương thoát nước, vườn hoa cây cảnh, đường nội bộ, hệ thống điện chiếu sáng;
- Hạ ngầm hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên tuyến và vườn hoa.

1.10. Phương án thiết kế cơ sở:

1.10.1. TRƯỜNG MẦM NON:

1.10.1.1. Phương án tổng mặt bằng: Các hạng mục trình thẩm định được bố trí theo bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Mầm non Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Vinh đã được UBND thành phố Vinh phê duyệt tại Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 22/5/2024.

1.10.1.2. Phương án thiết kế về kiến trúc, kết cấu, hoàn thiện và hệ thống kỹ thuật:

a. Nhà học số 1, cao 03 tầng (hạng mục số 06 trong bản vẽ quy hoạch)

- *Kiến trúc:* Nhà cao 3 tầng, diện tích xây dựng 293,1m². Tổng diện tích sàn 867,7m². Chiều cao nhà 13,20m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1, 2 và 3 cao 3,75m mỗi tầng; mái cao 1,5m). Giao thông theo phương đứng bằng 1 cầu thang bộ, theo phương ngang bằng hành lang bao quanh và hành lang nhà cầu.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng 293,1m², mặt bằng bố trí: 01 phòng học lớp nhóm trẻ (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho), 01 phòng tin học, 01 phòng đặt máy bơm PCCC, sảnh đón, hành lang và cầu thang;

+ Tầng 2 và tầng 3, diện tích sàn 287,3m² mỗi tầng, mặt bằng mỗi tầng bố

trí: 01 phòng học lớp mẫu giáo (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho), 01 phòng chức năng, hành lang và cầu thang.

- *Kết cấu*: Nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép (BTCT) chịu lực. Móng bằng BTCT, tường xây gạch vữa xi măng (VXM). Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Mái lợp tôn; xà gồ thép hộp.

- *Hoàn thiện*: Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn. Nền lát gạch. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách bằng khung nhôm hệ kính an toàn 2 lớp. Lan can cầu thang bằng thép cao 90cm sơn tĩnh điện, tay vịn gỗ; lan can hành lang bằng thép cao 110cm sơn tĩnh điện, tay vịn bằng thép hộp. Trang trí phía ngoài bằng hệ lam tấm nhôm đục lỗ. Khu vệ sinh: nền lát gạch Ceramic chống trơn, tường ốp gạch Ceramic cao 3m, đóng trần nhựa; thiết bị vệ sinh dùng hàng liên doanh.

- *Hệ thống kỹ thuật*:

+ Điện chiếu sáng, thông gió trong nhà: Dây điện đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp quạt, điều hoà;

+ Điện nhẹ: Trang bị hệ thống camera, mạng Internet, cáp truyền hình;

+ Hệ thống chống sét: Bằng hệ thống chống sét phát xạ sớm có bán kính bảo vệ $R=32,0m$;

+ Phòng cháy chữa cháy: Báo cháy bằng hệ thống báo cháy tự động; Chữa cháy bằng hệ thống chữa cháy nước vách tường kết hợp bình chữa cháy;

+ Cấp, thoát nước: Nước được lấy từ bể nước ngầm, bơm lên bồn nước trên mái. Đường ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực, thoát nước bằng ống nhựa PVC. Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực;

+ Bể tự hoại (01 bể): Bể đặt chìm dưới nền nhà. Đáy và nắp bể bằng BTCT, thành xây gạch VXM. Trát thành bể, láng đáy bể bằng VXM.

b. Nhà học số 2, cao 03 tầng (*hạng mục số 07 trong bản vẽ quy hoạch*).

- *Kiến trúc*: Nhà cao 3 tầng, diện tích xây dựng 295,3m². Tổng diện tích sàn 870,94m². Chiều cao nhà 13,20m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1, 2 và 3 cao 3,75m mỗi tầng; mái cao 1,5m). Giao thông theo phương đứng bằng 1 cầu thang bộ, theo phương ngang bằng hành lang bao quanh và hành lang nhà cầu.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng 295,3m², mặt bằng bố trí: 02 phòng học lớp nhóm

trẻ (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho); sảnh đón, hành lang và cầu thang;

+ Tầng 2 và tầng 3, diện tích sàn 287,82m² mỗi tầng, mặt bằng bố trí: 01 phòng học lớp mẫu giáo (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho); 01 phòng chức năng; hành lang và cầu thang.

- *Kết cấu, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật*: Thiết kế tương tự hạng mục Nhà học số 1, cao 03 tầng đã nêu tại mục 2.1 Văn bản này (*Không bố trí hệ thống chống sét cho hạng mục này*).

c. Nhà học số 3, cao 03 tầng (*hạng mục số 08 trong bản vẽ quy hoạch*)

- *Kiến trúc*: Nhà cao 3 tầng, diện tích xây dựng $387,5m^2$. Tổng diện tích sàn $1.154,3m^2$. Chiều cao nhà 13,20m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1, 2 và 3 cao 3,75m mỗi tầng; mái cao 1,5m). Giao thông theo phương đứng bằng 1 cầu thang bộ, theo phương ngang bằng hành lang bao quanh và hành lang nhà cầu.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng $387,5m^2$, mặt bằng bố trí: 02 phòng học lớp nhóm trẻ (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho); sảnh đón, hành lang và cầu thang;

+ Tầng 2,3 diện tích sàn $383,4m^2$ mỗi tầng, mặt bằng bố trí: 02 phòng học lớp mẫu giáo (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho); hành lang và cầu thang.

- *Kết cấu, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật*: Thiết kế tương tự hạng mục Nhà học số 1, cao 03 tầng đã nêu tại mục 2.1 Văn bản này.

d. Nhà hiệu bộ, cao 02 tầng (hạng mục số 04 trong bản vẽ quy hoạch)

- *Kiến trúc*: Nhà cao 2 tầng, diện tích xây dựng $188,8m^2$. Tổng diện tích sàn $362,8m^2$. Chiều cao nhà 9,45m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1 và 2 cao 3,75m mỗi tầng; mái cao 1,5m). Giao thông theo phương đứng bằng 1 cầu thang bộ, theo phương ngang bằng hành lang bao quanh và hành lang cầu.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng $188,8m^2$, mặt bằng bố trí: 01 phòng thư viện, 01 khu WC chung, sảnh đón, hành lang và cầu thang;

+ Tầng 2 diện tích sàn $174,0m^2$, mặt bằng bố trí: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng hiệu phó, 01 phòng kho; hành lang và cầu thang.

- *Kết cấu, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật*: Thiết kế tương tự hạng mục Nhà học số 1, cao 03 tầng đã nêu tại mục 2.1 Văn bản này. (Không bố trí hệ thống chống sét cho hạng mục này).

e. Nhà hội trường, cao 02 tầng (hạng mục số 09 trong bản vẽ quy hoạch)

- *Kiến trúc*: Nhà cao 2 tầng, diện tích xây dựng $120,54m^2$. Tổng diện tích sàn $241,45m^2$. Chiều cao nhà 9,45m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1 và 2 cao 3,75m mỗi tầng; mái cao 1,5m). Giao thông theo phương đứng bằng cầu thang chung hành lang cầu.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng $120,54m^2$, mặt bằng bố trí: 01 phòng học lớp mẫu giáo (bên trong có 01 khu WC, 01 phòng kho), sảnh đón, hành lang và cầu thang;

+ Tầng 2 diện tích sàn $120,91m^2$, mặt bằng bố trí: 01 phòng hội trường, hành lang và cầu thang.

- *Kết cấu, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật*: Thiết kế tương tự hạng mục Nhà học số 1, cao 03 tầng đã nêu tại mục 2.1 Văn bản này. (Không bố trí hệ thống chống sét cho hạng mục này).

g. Nhà bếp + ăn, cao 02 tầng (hạng mục số 05 trong bản vẽ quy hoạch)

- *Kiến trúc*: Nhà cao 2 tầng, diện tích xây dựng $149,27m^2$. Tổng diện tích sàn $298,54m^2$. Chiều cao nhà 10,65m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1 và 2 cao

3,75m mỗi tầng; tum và mái cao 2,7m). Giao thông theo phương đứng bằng cầu thang chung hành lang cầu.

+ Tầng 1, diện tích xây dựng 149,27m², mặt bằng bố trí: 01 khu sơ chế, rửa, bếp nấu kết hợp soạn chia; 01 phòng kho thực phẩm; 01 phòng kho lương thực; 01 phòng thay đồ và vệ sinh; 01 thang tời thức ăn; hành lang và cầu thang;

+ Tầng 2 diện tích sàn 149,27m², mặt bằng bố trí: Các phòng văn thư, văn phòng, y tế, 01 khu WC chung (nam, nữ riêng biệt); 01 thang tời; khu soạn chia; hành lang và cầu thang.

- *Kết cấu, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật:* Thiết kế tương tự hạng mục Nhà học số 1, cao 03 tầng đã nêu tại mục 2.1 Văn bản này. Ngoài ra có thêm bể tách mỡ (01 bể), đặt ngầm dưới nền nhà. Đáy và nắp bể bằng BTCT, thành xây gạch VXM. Trát thành bể, láng đáy bể bằng VXM. (*Không bố trí hệ thống chống sét cho hạng mục này*).

h. Hành lang cầu, cao 03 tầng (*hạng mục số 10 trong bản vẽ quy hoạch*).

- *Kiến trúc:* Hành lang cầu cao 3 tầng, diện tích xây dựng 204,5m². Tổng diện tích sàn 613,5m². Chiều cao nhà 11,70m (trong đó: nền cao 0,45m; tầng 1, 2 và 3 cao 3,75m mỗi tầng). Giao thông theo phương đứng bằng 1 cầu thang bộ. Mặt bằng bố trí hành lang kết nối với các khối nhà xung quanh.

- *Kết cấu:* Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực. Móng băng BTCT. Cột, dầm, sàn bằng BTCT.

- *Hoàn thiện:* Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn. Nền lát gạch chống trơn.

- *Hệ thống kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng: Dây điện đi ngầm tường, trần. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện.

+ Điện nhẹ: Trang bị hệ thống camera.

+ Thoát nước: Thoát nước hành lang bằng ống nhựa PVC.

i. Các hạng mục phụ trợ.

- *Nhà bảo vệ* (*hạng mục số 03 trong bản vẽ quy hoạch*):

Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 9,25m². Chiều cao nhà 3,0m (trong đó: nền cao 0,15m; chiều cao 2,75m, sê nô mái cao 0,1m). Mặt bằng bố trí làm phòng trực bảo vệ. Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực. Móng đơn BTCT, tường móng xây đá hộc VXM. Cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn. Nền lát gạch. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm hệ kính an toàn. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện. Thông gió bằng tự nhiên kết hợp quạt.

- *Nhà để máy phát điện* (*hạng mục số 11 trong bản vẽ quy hoạch*):

Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 15,0m². Chiều cao nhà 4,2m (trong đó: nền cao 0,3m; tầng cao 3,9m). Mặt bằng bố trí phòng đặt máy phát điện. Nhà có kết cấu khung BTCT chịu lực. Móng đơn BTCT, tường móng xây đá hộc VXM. Cột,

dầm, sàn bằng BTCT đổ toàn khối. Tường, cột, dầm, trần trát VXM, bả matit, lăn sơn. Nền lát gạch. Cửa đi bằng cửa khung sắt hộp pano tôn, cửa sổ bằng khung tôn chớp. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp với đèn điện.

- *Bể nước ngầm PCCC+ sinh hoạt (hạng mục số 15 trong bản vẽ quy hoạch):*

Kích thước bể: (dài x rộng x cao) = (8,66 x 4,64 x 2,9)m, đặt chìm. Đáy, thành và nắp bể bằng BTCT. Chống thấm tường, đáy bể; trát tường, láng đáy bể bằng VXM.

- *Cổng, hàng rào.*

+ *Cổng chính (hạng mục số 01 trong bản vẽ quy hoạch):* Cổng chính gồm 01 lối đi chính và 01 lối đi phụ. Lối đi chính rộng thông thủy 8,4m, dùng cổng mở trượt tự động, kết cấu thân cổng bằng Inox. Lối đi phụ rộng 1,0m, cánh cổng mở quay, cánh cổng bằng thép hình liên kết hàn, sơn tĩnh điện. Trụ cổng xây gạch VXM, có lõi BTCT, cao 2,0m, mặt ngoài lăn sơn; móng trụ bằng BTCT.

+ *Cổng phụ (hạng mục số 02 trong bản vẽ quy hoạch):* Rộng thông thủy 3,8m, cánh cổng mở quay; kết cấu cánh cổng bằng thép hình liên kết hàn, sơn tĩnh điện. Trụ cổng xây gạch VXM, có lõi BTCT, cao 2,0m, móng trụ bằng BTCT.

+ *Hàng rào:* Móng trụ bằng BTCT, tường móng xây đá hộc VXM. Trụ hàng rào xây gạch VXM có lõi bằng BTCT, kích thước (0,25x0,25)m, cao 2,0m. Chân tường rào xây gạch VXM dày 0,22m cao 0,8m, trên lắp song sắt hộp cao 1,2m. Tường và trụ trát VXM, lăn sơn 3 nước.

- *Sân nội bộ:*

+ *Sân lát gạch:* Cấu tạo sân gồm: mặt sân lát gạch giả đá, lớp lót BT dày 10cm, đất nền đầm chặt K=0,9;

+ *Bó vỉa bồn cây:* Bằng đá tự nhiên.

- *San nền:* Diện tích san nền là 4.119,4m², cao độ thiết kế cao nhất +4,96m, cao độ thấp nhất là +4,90m. San nền bằng cát lu lèn K=0.9.

- *Cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải:*

+ *Cấp nước:* Nước cấp được lấy từ nguồn nước của thành phố và dự trữ trong bể nước ngầm, cấp đến các bồn nước đặt trên mái các khối nhà. Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực;

+ *Mương thoát nước:* Bố trí xung quanh hàng rào, đầu nối ra hệ thống mương thoát nước của khu vực. Đáy và nắp mương bằng BTCT, thành xây gạch VXM. Trát thành và đáy bằng VXM.

+ *Thoát nước thải:* Nước thải từ các khu vệ sinh được thu xuống bể phốt, nước rửa khu bếp được thu vào bể tách mỡ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của khu vực.

- *Cấp điện ngoài nhà:*

Nguồn điện cấp cho tủ điện tổng được lấy từ nguồn của khu vực, cấp điện đến các hạng mục của dự án từ tủ điện tổng; sử dụng hệ thống dây dẫn bằng cáp ngầm đến các hạng mục của dự án; cáp điện được luồn trong ống nhựa HDPE, chôn trong hào cáp.

- *Trạm biến áp 320 kVA -22/0,4kV và đường dây trung thế 22kV:* Đã được Sở Công thương thẩm định tại Văn bản số 71/SCT-QLNL ngày 29/4/2025.

k. Giải pháp thiết kế PCCC.

- *Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy.*

+ Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các khối nhà trong trường mầm non: Các vị trí có khoảng cách <6m sử dụng các bức tường ngăn cháy loại 1;

+ Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy từ các công trình trong trường mầm non đến các công trình tiếp giáp: Đảm bảo khoảng cách > 6m.

- *Đường, bãi đỗ, vị trí, lối vào để tiếp cận và tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.*

+ Đường cho xe chữa cháy:

Bên ngoài công trình tiếp giáp và kết nối với các tuyến đường quy hoạch:

- Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch rộng 5m;
- Phía Nam giáp: Đường quy hoạch rộng 7m;
- Phía Đông giáp: Đường quy hoạch rộng 9m;
- Phía Tây giáp: Đường quy hoạch rộng 15m.

Bên trong công trình: Sử dụng sân nội bộ làm đường cho xe chữa cháy, bề rộng tối thiểu mặt đường đảm bảo $\geq 3,5\text{m}$, chiều cao thông thủy $\geq 4,5\text{m}$. Khoảng cách từ vị trí xe chữa cháy tiếp cận được đến bất kỳ điểm nào trên mặt bằng công trình không vượt quá 60m.

+ Bãi đỗ, vị trí, lối vào để tiếp cận và tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

Công trình thuộc nhóm F1 có chiều cao PCCC không quá 15 m nên không yêu cầu có bãi đỗ xe chữa cháy. Lối vào từ cổng chính rộng thông thủy 8,4m, cao không giới hạn, kết nối với đường quy hoạch rộng 15m; Cổng phụ rộng thông thủy 3,8m, cao không giới hạn, kết nối với đường quy hoạch rộng 9m.

- *Giải pháp thoát nạn.*

+ Bố trí phân tán thoát nạn như sau:

- Từ tầng 1: Ra ngoài trực tiếp, qua hành lang, sảnh của các nhà;
- Từ tầng 2, tầng 3: Ra ngoài qua hành lang dẫn trực tiếp đến cầu thang bộ của nhà, cầu thang bộ của hành lang cầu và cầu thang bộ của các nhà tiếp giáp;
- Từ các gian phòng: Các gian phòng nhóm F1.1 có mặt đồng thời trên 15 người bố trí 02 lối thoát nạn đảm bảo phân tán.

+ Lối thoát nạn: Có chiều cao thông thủy lớn $\geq 1,9\text{m}$; chiều rộng thông thủy $\geq 1,2\text{m}$ từ các gian phòng nhóm F1.1 khi số người thoát nạn lớn hơn 15 người; chiều rộng thông thủy $\geq 0,8\text{m}$ trong tất cả các trường hợp còn lại.

+ Đường thoát nạn: Có chiều cao thông thủy lớn $\geq 2,0\text{m}$; chiều rộng thông thủy $\geq 1,2\text{m}$ từ các gian phòng nhóm F1.1 khi số người thoát nạn lớn hơn 15 người.

+ Cầu thang thoát nạn: Chiều rộng bản thang $\geq 1,2\text{m}$ đối với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này lớn hơn 15 người từ mỗi tầng, độ dốc cầu thang $\leq 1:1$; Chiều rộng mặt bậc $\geq 25\text{cm}$, Chiều cao bậc $\leq 22\text{cm}$ và $\geq 5\text{cm}$.

- *Bạc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.*

+ Bậc chịu lửa của các công trình được thiết kế: Bậc I.

+ Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

- Ngăn cháy theo chiều ngang: Ngăn cháy các khoang cháy riêng biệt bằng các tường ngăn cháy loại 1. Các vị trí đường ống kỹ thuật, cáp đi xuyên qua kết cấu tường, sàn, vách được chèn bịt bằng vật liệu không cháy. Vật liệu hoàn thiện sử dụng cho tường và trần của hành lang chung, sảnh chờ có cấp nguy hiểm cháy CV1; vật liệu hoàn thiện phủ sàn cho hành lang chung, sảnh chờ có cấp nguy hiểm cháy CV2;

- Ngăn cháy theo chiều đứng: Các tầng đều được ngăn bằng sàn bê tông cốt thép, ngăn cháy tách biệt với các tầng khác. Các vị trí đường ống kỹ thuật, cáp đi xuyên qua kết cấu tường, sàn, vách được chèn bịt bằng vật liệu không cháy.

- *Giải pháp chống khói.*

Trường Mầm non Cửa Nam cơ bản sử dụng hành lang bên, các phòng đảm bảo thông gió, thoát khói tự nhiên, chưa thuộc phạm vi phải trang bị hệ thống thoát khói, cấp không khí chống khói.

1.10.1.3. Phân thiết bị.

- Trang thiết bị thiết yếu phục vụ hoạt động của trường: bàn, ghế, giường, đồ dùng học tập

- Trạm biến áp; thiết bị PCCC, thang tời, trang bị bếp, thiết bị âm thanh ...

1.10.2 Phân đường giao thông, khuôn viên cây xanh, cảnh quan quanh trường mầm non:

1.10.2.1. Đường giao thông:

a. Bình đồ và trắc dọc các tuyến đường:

Tổng chiều dài các tuyến đường $L = 598,73\text{m}$.

- *Tuyến đường số 1:* Chiều dài tuyến khoảng $L = 191,22\text{m}$. Điểm đầu tuyến giao với đường Đào Tấn, cao độ thiết kế $+4,81\text{m}$. Điểm cuối tuyến giao với tuyến số 2, cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$;

- *Tuyến đường số 2:* Chiều dài tuyến khoảng $L = 76,08\text{m}$. Điểm đầu giao với tuyến số 1, cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$. Điểm cuối tuyến giao với tuyến đường bao quanh sân bóng đá, cao độ thiết kế $+4,80\text{m}$;

- *Tuyến đường số 3:* Chiều dài tuyến khoảng $L = 110,88\text{m}$. Điểm đầu giao với đường Đào Tấn, cao độ thiết kế $+4,38\text{m}$. Điểm cuối tuyến giao với tuyến số 4 (thuộc khu QH); cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$;

- *Tuyến đường số 4:* Chiều dài tuyến khoảng $L = 115,55\text{m}$. Điểm đầu giao với tuyến đường số 3, cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$. Điểm cuối tuyến giao với tuyến đường số 1, cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$;

- *Tuyến số 5:* Chiều dài tuyến khoảng $L = 105,00\text{m}$. Điểm đầu giao với tuyến đường số 3, cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$. Điểm cuối tuyến giao với tuyến đường số 1, cao độ thiết kế $+4,90\text{m}$.

b. Trắc ngang tuyến:

- *Tuyến đường số 1:* Nền đường $B = 15,00\text{m}$, trong đó vỉa hè mỗi bên rộng $3,50\text{m}$, mặt đường rộng $8,0\text{m}$. Đoạn mở rộng làm bãi đậu xe có chiều dài khoảng

$L=37m$ với nền đường $B=22,00m$. Trong đó vỉa hè mỗi bên rộng $3,50m$, mặt đường rộng $15m$. Đốc ngang mặt đường $I=2\%$ về hai phía, đốc ngang hè đường $I=1\%$ về phía tim đường;

- *Tuyến đường số 2*: Nền đường $B=7,00m$, trong đó vỉa hè mỗi bên rộng $1,0m$, mặt đường rộng $5,0m$. Đốc ngang mặt đường $I=2\%$ về hai phía, đốc ngang hè đường $I=1\%$ về phía tim đường;

- *Tuyến đường số 3*: Nền đường $B=9,00m$, trong đó vỉa hè mỗi bên rộng $2,0m$, mặt đường rộng $5,0m$. Đốc ngang mặt đường $I=2\%$ về hai phía, đốc ngang hè đường $I=1\%$ về phía tim đường;

- *Tuyến đường số 4*: Nền đường $B=7,00m$. Trong đó vỉa hè mỗi bên rộng $1,0m$, mặt đường rộng $5,0m$. Đốc ngang mặt đường $I=2\%$ về hai phía, đốc ngang hè đường $I=1\%$ về phía tim đường;

- *Tuyến đường số 5*: Nền đường bằng mặt đường $B=5,00m$.

c. Kết cấu nền đường:

Nền đường thiết kế chủ yếu là nền đất đắp, đất đắp nền đầm chặt $K \geq 0,95$, riêng lớp đất đắp tiếp giáp đáy kết cấu áo đường dày tối thiểu $50cm$ đắp bằng đất đòi đầm chặt $K \geq 0,98$. Trước khi đắp nền tiến hành vét bùn, vét hữu cơ, đánh cấp trên cơ sở hồ sơ khảo sát địa chất tuyến.

d, Kết cấu áo đường:

- *Kết cấu mới, mở rộng (KC1)*:

Thiết kế với moduyn đàn hồi $E_{tk} = 133Mpa$. Gồm các lớp theo thứ tự từ trên xuống như sau:

- + Bê tông nhựa chặt C16 dày $6cm$;
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa $0,5kg/m^2$;
- + Láng nhựa 1 lớp, tiêu chuẩn nhựa $1,8kg/m^2$;
- + Móng trên đá dăm tiêu chuẩn dày $15cm$;
- + Móng dưới đá dăm tiêu chuẩn (4x6) dày $15cm$.

- *Kết cấu trên mặt đường cũ (KC2)*:

Gồm các lớp theo thứ tự từ trên xuống như sau:

- + Bê tông nhựa chặt C16 dày $6cm$;
- + Bù vênh bằng bê tông nhựa chặt C16;
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa $0,5kg/m^2$;
- + Mặt đường cũ hiện trạng;

e. Nút giao:

Thiết kế các nút giao cùng mức. Tại những vị trí nút giao với đường hiện trạng và đường quy hoạch, thiết kế vuốt nối vào đường cũ theo tiêu chuẩn hình học hiện tại, đảm bảo giao thông thuận lợi.

g. Thiết kế bó vỉa, đan rãnh, lát hè, bó hè và ô trồng cây xanh:

Bó vỉa hè, đan rãnh, bó vỉa bồn cây bằng đá tự nhiên, lát vỉa hè bằng đá tự nhiên trên lớp móng bằng BT dày $10cm$; Trên vỉa hè thiết kế ô trồng cây xanh bóng mát. Kết cấu: Bó vỉa hố bằng đá tự nhiên.

h. Mương thoát nước:

- Thiết kế hệ thống mương thoát nước dọc với khẩu độ B=0,6-0,8m trên các tuyến đường. Nước mưa trên các tuyến đường chảy vào các hố thu thoát về đầu nối vào mương hiện trạng trên tuyến đường Đào Tấn trước khi chảy vào Hào Thành cổ. Các vị trí qua đường, giữa đường thiết kế công chịu lực;

- Kết cấu mương dọc: Mương hộp BTCT. Móng mương bằng đá dăm đệm;
- Kết cấu công chịu lực: Cống bằng BTCT, móng cống bằng BT, lớp đệm móng bằng đá dăm.

i. Giếng thu, giếng thăm:

Được bố trí trên vỉa hè tuyến đường. Kết cấu hố thu sử dụng hố thu ngăn mùi đúc sẵn bằng BT. Kết cấu giếng thăm: Móng, thân giếng bằng BTCT, xà mũ giếng bằng BTCT, tấm đan bằng BTCT.

k. Hệ thống an toàn giao thông:

Trên tuyến thiết kế đồng bộ vạch sơn kẻ đường và biển báo theo quy định tại quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

l. Điện chiếu sáng:

Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến đường giao thông.

- Nguồn điện đầu nối hệ thống điện chiếu sáng từ đường điện chiếu sáng hiện trạng trên tuyến;
- Cột đèn sử dụng loại cột tròn côn cao 6m-9m, vươn 1,5m bố trí trên vỉa hè tuyến đường, cột bố trí bên trái tuyến đường, móng cột bằng BT;
- Đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED;
- Lắp đặt đồng bộ hệ thống dây cáp ngầm đầu nối giữa các cột đèn và hệ thống dây lên đèn. Trong đó cáp dọc các cột đèn dùng loại Cu/XLPE/DSTA/PVC; Dây lên đèn dùng loại Cu/XLPE/PVC.

1.10.2.2. Khuôn viên cây xanh, cảnh quan:

Thiết kế đồng bộ hạ tầng kỹ thuật quy hoạch vườn hoa với diện tích vườn hoa khoảng 3.400m²: Bao gồm hệ thống sân đường dạo bộ, vườn hoa cây cảnh, hệ thống chiếu sáng trang trí...

- *Sân, đường dạo bộ*: Kết cấu mặt sân, đường dạo bộ lát đá tự nhiên trên lớp móng bằng BT.

- *Cây xanh trang trí*: Thiết kế đồng bộ cây xanh cảnh quan, vườn hoa, thảm cỏ trong khuôn viên quy hoạch.

- *Hệ thống điện chiếu sáng cảnh quan*: Thiết kế hệ thống điện trang trí, chiều cao cột 4,1m. Móng cột bằng BT. Trên cột lắp đặt đèn trang trí.

1.1.11. Tổng mức đầu tư: 90.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng).

1.1.12. Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Vinh.

(Nguồn vốn đầu tư theo Nghị quyết phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, thuộc ngân sách tỉnh theo quy định liên quan đến sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp, nay đã bổ sung cho ngân sách phường tại Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Tỉnh).

1.1.13. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 04 năm.

1.2. Khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán;
- Giá gói thầu (đã bao gồm thuế VAT 8%): **1.603.189.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm linh ba triệu, một trăm tám mươi chín ngàn đồng), trong đó chi phí khảo sát 44.585.000 đồng;**

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn được đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập hồ sơ thiết kế đảm bảo an toàn, chất lượng, thẩm mỹ, hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và tuân thủ quy định pháp luật, làm cơ sở triển khai dự án đầu tư xây dựng; cụ thể:

- Đảm bảo nhà thầu tư vấn thiết kế có đủ năng lực, kinh nghiệm, đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư đủ điều kiện hành nghề để thực hiện thiết kế phù hợp với quy mô, tính chất công trình.

- Có giải pháp kiến trúc, kết cấu, kỹ thuật, công nghệ hợp lý, an toàn, tiết kiệm và đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng.

- Đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh, công bằng trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- Thiết kế chuẩn xác giúp hạn chế thay đổi, phát sinh trong quá trình thi công, tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả đầu tư.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày - người cần thiết (nếu có)

1.1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu

- Yêu cầu chung: Thiết kế xây dựng công trình phải đảm bảo theo Điều 80 của Luật Xây dựng gồm các yêu cầu chung sau đây:

- + Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế; phù hợp với nội dung dự án đầu tư xây dựng được duyệt, quy hoạch xây dựng, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, khí hậu, văn hóa, xã hội tại khu vực xây dựng;

- + Nội dung thiết kế xây dựng công trình phải đáp ứng yêu cầu của từng bước thiết kế;

- + Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn, bền vững trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống cháy nổ và điều kiện an toàn khác;

- + Ưu tiên sử dụng vật liệu trong nước, sẵn có, thông dụng trên thị trường,

để tìm kiếm, thay thế.

+ Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan; dễ thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng.v.v... bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng. Khai thác lợi thế và hạn chế bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường;

+ Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định;

+ Nhà thầu thiết kế xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện;

- Nội dung lập TKBVTC-DT:

+ Quy mô công trình: Theo nội dung quy mô dự án đã được UBND phường Thành Vinh phê duyệt tại Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 30/12/2025.

+ Yêu cầu về công năng: Bố cục không gian phải hợp lý tầng hạng mục và tổng thể của công trình, đảm bảo không chòng chéo khi tổ chức thi công và phát huy hết hiệu quả khi sử dụng; kết cấu chịu lực phải đảm bảo đúng quy phạm, quy chuẩn hiện hành, đảm bảo bền vững và kinh tế.

+ Hồ sơ TKBVTC-DT: Được triển khai trên cơ sở hồ sơ thiết kế cơ sở, quy mô dự án đã được phê duyệt. Các nội dung TKBVTC phải đủ điều kiện để tính toán dự toán chi phí, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, đảm bảo bền vững, giá thành hợp lý và đủ điều kiện pháp lý để trình Sở Xây dựng phê duyệt và triển khai thi công. Lập TKBVTC chi tiết phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình đảm bảo sản phẩm tư vấn xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng; tất cả các bản vẽ thiết kế bản vẽ được thể hiện trên khổ giấy A3 trở lên. Hồ sơ TKBVTC-DT phải đảm bảo chất lượng, đúng quy cách, thể hiện đầy đủ các chi tiết, thuận tiện thi công, đúng với nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt và các yêu cầu khác của chủ đầu tư.

+ Dự toán chi tiết và tổng dự toán công trình: Được lập trên cơ sở căn cứ TKBVTC, trong đó tổng dự toán phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt là 90,000 tỷ đồng. Khối lượng dự toán phải tính đúng, tính đủ theo đúng với hồ sơ TKBVTC bảo đảm phù hợp với quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Nhà nước. Riêng đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công căn cứ công bố giá mới nhất của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An tại thời điểm lập dự toán.

+ Thuyết minh TKBVTC-DT, thuyết minh kết cấu: Thuyết minh phải nêu rõ nội dung công việc thực hiện, đủ điều kiện để cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy mô và giải pháp thiết kế phải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; lập thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh quy trình bảo trì (với các hạng mục công trình cấp III).

1.2. Nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian và tiến độ thực hiện:

- Nguồn vốn: : Ngân sách thành phố Vinh.

(Nguồn vốn đầu tư theo Nghị quyết phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, thuộc ngân sách tỉnh theo quy định liên quan đến sắp xếp chính quyền địa

phương 02 cấp, nay đã bổ sung cho ngân sách phường tại Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Tỉnh)

- Tên cơ quan thực hiện dự án: UBND phường Thành Vinh (Quản lý dự án, giám sát và điều hành: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Thành Vinh.

- Thời gian, tiến độ thực hiện gói thầu: 15 ngày.

1.3. Số tháng - người hoặc ngày - người cần thiết (nếu có): Theo quy định tại Mục E-CDNT 14.3 Chương II của E-HSMT.

2. Mô tả các nhiệm vụ, khối lượng cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn: Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 20/1/2026 của UBND phường Thành Vinh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình.

Nhiệm vụ, Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn thiết kế: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, tuân thủ các quy định của nhà nước, các tiêu chuẩn về thiết kế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Công việc dựa trên đơn giá và khối lượng;

- Công việc dựa trên đơn giá và khối lượng: Theo quy định tại mẫu số 01A Chương IV của E-HSMT.

- Công việc tính theo lương chuyên gia: Theo quy định tại mẫu số 01C Chương IV của E-HSMT.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết và có hiệu lực.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, nhà thầu tư vấn có các yêu cầu đề xuất cần thiết với chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc.

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc.

- Tiến độ công tác báo cáo phải phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu nhưng ít nhất là 07 ngày/lần.

- Mỗi báo cáo yêu cầu tối thiểu 03 bản, trong trường hợp cần thiết phải đáp ứng các yêu cầu bổ sung số lượng của Chủ đầu tư.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

- Nhà thầu tư vấn phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ để chứng minh năng lực kinh nghiệm và bố trí đầy đủ các nhân sự cần thiết để thực hiện gói thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đã nêu tại Chương III của E-HSMT.

- Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ (nếu có) phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ đảm nhận và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực quy định trong E-HSMT.

- Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSMT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương

đương hoặc cao hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó;

- Trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế chuyên gia đó. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT của hợp đồng, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.

- Không được sử dụng tài liệu của chủ đầu tư một cách bừa bãi, tiếp cận và tiết lộ thông tin khi chưa được phép của chủ đầu tư.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; lập và lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc thực hiện công trình đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình đảm nhận theo pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong báo cáo và hồ sơ trình cho chủ đầu tư phê duyệt.

- Báo cáo Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán các hạng mục công trình thuộc dự án theo đúng quy định.

- Bồi thường thiệt hại khi sử dụng thông tin, tài liệu không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc và vi phạm hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư.

- Trong trường hợp tiến độ yêu cấp bách Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu bổ sung thêm nhân sự để đảm bảo tiến độ thực hiện.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Trong quá trình thực hiện gói thầu, chủ đầu tư có trách nhiệm

- Cung cấp những văn bản, tài liệu liên quan tới công việc, chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

- Cung cấp các công văn giới thiệu cần thiết để tư vấn liên hệ với các cơ quan giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện công trình (nếu có).

- Nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền cấp nguồn theo quy định.